

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**THỎA THUẬN KHUNG MUA SẮM TẬP TRUNG**

**Số: 01/TTK/TCTHADS-CTCP26**

*Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Quyết định số 1276/QĐ-BTP ngày 04/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm "Mua sắm trang phục cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2021" của Tổng cục Thi hành án dân sự;*

*Căn cứ Quyết định số 741/QĐ-TCTHADS ngày 20/9/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu gói thầu "Mua sắm trang phục cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2021";*

*Căn cứ Hồ sơ dự thầu gói thầu "Mua sắm trang phục cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2021" của Công ty Cổ phần 26;*

*Căn cứ Biên bản thương thảo thỏa thuận khung số 01/TTTTK/TCTHADS-CTCP26 ngày 04/11/2021 giữa Tổng cục Thi hành án dân sự và Công ty Cổ phần 26;*

*Căn cứ Quyết định số 907/QĐ-TCTHADS ngày 11/11/2021 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu "Mua sắm trang phục cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2021";*

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tổng cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp, số 58 - 60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, chúng tôi gồm có:

**I. Đơn vị mua sắm tập trung (Bên A)**

Tên đơn vị : Tổng cục Thi hành án dân sự;

Địa chỉ : Số 58-60 Trần Phú, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội;

Mã số quan hệ với NSNN: 1108572

Điện thoại : 024 6273 9621

Đại diện : Bà Trần Thị Phương Hoa, Chức vụ: Phó Tổng cục trưởng

**II. Nhà thầu cung cấp tài sản (Bên B)**



Tên đơn vị : Công ty Cổ phần 26;  
 Địa chỉ : Đường Hội Xá, Tổ 5. Phúc Lợi, quận Long Biên, TP.Hà Nội  
 Điện thoại : 02438.751461 Fax: 02438.751460  
 Mã số thuế : 0100108818  
 Số tài khoản : 0531100001007  
 Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Long Biên – Hà Nội  
 Đại diện : Ông Trịnh Xuân Hiếu Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên thương thảo, thống nhất cụ thể một số nội dung trong Thỏa thuận khung mua sắm tập trung (sau đây gọi là Thỏa thuận khung) gói thầu: “Mua sắm trang phục cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2021” (sau đây gọi là trang phục) với các nội dung như sau:

### **Điều 1. Danh mục trang phục cung cấp**

1. Thông số kỹ thuật trang phục (*Chi tiết tại Phụ lục 01*).
2. Số lượng trang phục của từng đơn vị (*Chi tiết tại Phụ lục 02*).
3. Danh sách các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục (*Chi tiết tại Phụ lục 02*).

### **Điều 2. Giá bán trang phục**

Tổng giá tiền của Thỏa thuận khung: **21.047.035.350 đồng**  
 (Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

| STT         | Danh mục tài sản           | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng)     |
|-------------|----------------------------|-------------|----------|----------------|-----------------------|
| 1           | Quần áo thu đông mặc ngoài | Bộ          | 2.323    | 1.149.500      | 2.670.288.500         |
| 2           | Áo khoác ngoài mùa đông    | Cái         | 1.977    | 949.300        | 1.876.766.100         |
| 3           | Quần áo xuân hè mặc ngoài  | Bộ          | 13.130   | 499.950        | 6.564.343.500         |
| 4           | Áo sơ mi dài tay           | Cái         | 10.715   | 189.750        | 2.033.171.250         |
| 5           | Caravat                    | Cái         | 13.560   | 64.900         | 880.044.000           |
| 6           | Mũ kê pi                   | Cái         | 6.780    | 139.700        | 947.166.000           |
| 7           | Mũ bảo hiểm thi hành án    | Cái         | 6.045    | 330.000        | 1.994.850.000         |
| 8           | Áo chống rét mùa đông      | Cái         | 4.805    | 849.200        | 4.080.406.000         |
| <b>Tổng</b> |                            |             |          |                | <b>21.047.035.350</b> |

Giá trên đã bao gồm Thuế GTGT, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan.

### **Điều 3. Thanh toán, thanh lý Thỏa thuận khung**

1. Thời hạn và phương thức thanh toán

Các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục có trách nhiệm thanh toán tiền mua trang phục cho Bên B theo đúng thời hạn, phương thức thanh toán quy định trong Hợp đồng mua sắm trang phục và phù hợp với loại hợp đồng trọn gói.

## 2. Tài khoản thanh toán

Đơn vị thụ hưởng : Công ty Cổ phần 26  
 Tài khoản : 0531100001007  
 Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Long Biên – Hà Nội

## 3. Thanh lý

- Thỏa thuận khung được nghiệm thu, thanh lý khi Bên A nhận được đầy đủ Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, Thanh lý hợp đồng mua sắm trang phục được ký giữa Bên B và đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Việc nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng mua sắm trang phục được thực hiện theo quy định của pháp luật và Hợp đồng mua sắm trang phục đã ký giữa Bên B và đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục. Theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu và đề xuất của Hồ sơ dự thầu.

## **Điều 4. Thời gian, địa điểm bàn giao trang phục**

1. Thời gian bàn giao trang phục: Tối đa 90 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực.

2. Địa điểm bàn giao trang phục (*Chi tiết tại Phụ lục 02*).

## **Điều 5. Bảo hành**

### 1. Điều kiện bảo hành

- Yêu cầu về bảo hành đối với trang phục như sau: Toàn bộ trang phục cung cấp theo Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục phải được bảo hành theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu và đề xuất của Hồ sơ dự thầu.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng được tính từ thời điểm ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu giữa Bên B với đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục. Bên B có trách nhiệm cung cấp hoặc thanh toán các dịch vụ bảo hành, bao gồm việc khắc phục sự cố trang phục do lỗi của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành.

2. Khi phát sinh hư hỏng, sự cố của trang phục trong thời hạn bảo hành, đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục sẽ thông báo cho Bên B qua điện thoại hoặc bằng văn bản (fax) mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn cách xử lý. Trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục. Bên B phải cử cán bộ kỹ thuật đến kiểm tra, xử lý hoặc nhận trang phục đi khắc phục các lỗi như bung chỉ, tuột khuy, hỏng khóa... Việc kiểm tra, khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phải được thực hiện trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục.

3. Trường hợp quá thời hạn cam kết có mặt tại địa điểm của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục để sửa chữa, khắc phục sự cố mà Bên B vẫn vắng mặt hoặc Bên B không thể sửa chữa, khắc phục sự cố trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục có quyền đưa ra phương án giải quyết. Bên B chi trả mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh được đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục gửi đến để thanh toán. Nếu Bên B không thanh toán trực tiếp khoản tiền này, Bên A sẽ yêu cầu ngân hàng trích từ bảo lãnh bảo hành chuyển vào tài khoản của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục sau khi đơn vị báo cáo bằng văn bản về Bên A. Bên A sẽ yêu cầu ngân hàng thanh toán cho các đơn vị 01 lần/1 quý (nếu có) vào thời điểm cuối mỗi quý.

#### 4. Bảo lãnh bảo hành

- Bên B có nghĩa vụ nộp bảo lãnh bảo hành theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (đơn vị thụ hưởng là Bên A) với giá trị tương đương 5% (năm phần trăm) tổng giá trị Thỏa thuận khung là **1.052.351.768 VNĐ** (*Một tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng*) trước khi ký Thanh lý Thỏa thuận khung với Bên A.

- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: 12 tháng kể từ ngày hai bên ký thanh lý Thỏa thuận khung.

- Thời hạn giải tỏa bảo lãnh bảo hành: khi đủ 12 tháng kể từ ngày hai bên ký thanh lý Thỏa thuận khung.

#### 5. Cơ chế thực hiện bảo hành và xử lý các vấn đề liên quan

Việc bảo hành được thực hiện theo yêu cầu của Hồ sơ mời thầu và đề xuất của Hồ sơ dự thầu: Khi có trang phục cần bảo hành, đơn vị liên hệ trực tiếp với Bên B để Bên B hướng dẫn thủ tục, địa chỉ bảo hành như sau:

##### **Công ty Cổ phần 26**

Địa chỉ: Đường Hội Xá, Tổ 5. Phúc Lợi, quận Long Biên, TP.Hà Nội

Số điện thoại liên hệ: 02438.751461/0988.770.523/0976.818.384

#### **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của các Bên có liên quan**

##### **1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- Yêu cầu Bên B xây dựng kế hoạch liên hệ với các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục để ký và thực hiện Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Yêu cầu đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục từ chối tiếp nhận trang phục do Bên B cung cấp nếu phát hiện không đúng chủng loại trang phục quy định tại Thỏa thuận khung; yêu cầu Bên B khắc phục trong trường hợp giao trang phục không phù hợp với Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Yêu cầu đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục ngừng thanh toán tiền mua trang phục khi có bằng chứng về việc buôn bán lừa dối; có bằng chứng về việc trang phục đang là đối tượng bị tranh chấp; hoặc có bằng chứng về việc Bên B đã giao trang phục không phù hợp với Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra trang phục được cung cấp để đảm bảo trang phục đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục. Việc thực hiện kiểm tra, trang phục của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác của Bên B theo Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Giám sát việc thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục của Bên B trong khuôn khổ của Thỏa thuận khung, tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư, trách nhiệm của bên mời thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

## **2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

- Xây dựng kế hoạch, liên hệ với các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục để ký và thực hiện Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Giao trang phục và chứng từ liên quan theo đúng số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm và các điều khoản quy định khác của Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Bên B phải nêu rõ xuất xứ của trang phục và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của trang phục.

- Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến trang phục mà Bên B đã cung cấp theo Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Bên B chịu trách nhiệm đóng gói, vận chuyển trang phục; bốc dỡ phù hợp với điều kiện thực tế tại địa điểm sử dụng quy định trong Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành điều chỉnh những trang phục không phù hợp để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh trang phục không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

- Yêu cầu đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục thanh toán theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết và nội dung khác đã ghi trong Hồ sơ dự thầu.

- Trong thời hạn bảo hành, Bên B có quyền từ chối bảo hành khi trang phục bị hỏng do bị phá hoại, sử dụng không đúng quy cách, trang phục đã được can thiệp, sửa chữa bởi đơn vị khác không phải Bên B, lý do thiên tai, chiến tranh.

- Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng mua sắm trang phục mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào trong trường hợp đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục có các hành vi vi phạm cơ bản về Hợp đồng.

- Có trách nhiệm lấy số đo với từng công chức, người lao động tại trụ sở các cơ quan được may sắm trang phục.

- Chịu trách nhiệm phát hành Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung.
- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ nghĩa vụ phát sinh với Ngân hàng liên quan đến các phần việc của đơn vị trong suốt quá trình thực hiện Thỏa thuận khung.
- Chịu trách nhiệm bàn giao trang phục cho các Đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục; phát hành hóa đơn, tiếp nhận kinh phí thanh toán tiền mua sắm trang phục đối với phần trang phục do nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp.
- Thực hiện nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

### **3. Quyền và nghĩa vụ của Đơn vị ký Hợp đồng mua sắm trang phục**

- Công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nội dung Thỏa thuận khung và ký kết Hợp đồng mua sắm trang phục với Bên B trên cơ sở Thỏa thuận khung.
- Từ chối tiếp nhận trang phục do Bên B cung cấp nếu phát hiện không đúng chủng loại trang phục quy định tại Hợp đồng mua sắm trang phục. Yêu cầu Bên B khắc phục trong trường hợp giao trang phục không phù hợp với Hợp đồng mua sắm trang phục.
- Ngừng thanh toán tiền mua trang phục khi có bằng chứng về việc Bên B lừa dối, có bằng chứng về việc trang phục đang là đối tượng bị tranh chấp, hoặc có bằng chứng về việc Bên B đã giao trang phục không phù hợp với Hợp đồng mua sắm trang phục.
- Thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua sắm trang phục.
- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết tại địa điểm sử dụng trang phục để Bên B tập kết và bàn giao theo kế hoạch, tiến độ đã thỏa thuận trong Hợp đồng mua sắm trang phục.
- Bố trí cán bộ kiểm tra, tiếp nhận bàn giao trang phục, hồ sơ tài liệu và tiếp thu hướng dẫn sử dụng.
- Thông báo cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng mua sắm trang phục, kết quả thực hiện Hợp đồng mua sắm trang phục, đã ký với Bên B.

### **Điều 7. Hiệu lực của Thỏa thuận khung**

- Thỏa thuận khung là cơ sở để đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục, ký Hợp đồng mua sắm trang phục với nhà thầu cung cấp trang phục.
- Thỏa thuận khung có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký Thỏa thuận khung mua sắm trang phục.
- Trong vòng 3 ngày, kể từ ngày hai bên ký Thỏa thuận khung, bên B phải cung cấp bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với giá trị và thời hạn hiệu lực như sau:

+ Giá trị bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục: 5% giá trị Thỏa thuận khung, với số tiền: **1.052.351.768 VNĐ** (Một tỷ

không trăm năm mươi hai triệu, ba trăm năm mươi một nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng).

+ Thời hạn hiệu lực: 90 ngày kể từ ngày Thỏa thuận khung có hiệu lực. Nếu sau 90 ngày mà hai bên chưa ký nghiệm thu thanh lý Thỏa thuận khung thì Bên B phải tiến hành gia hạn bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung cho đến khi nghiệm thu thanh lý Thỏa thuận khung và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo lãnh bảo hành theo quy định.

- Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục trong trường hợp sau đây:

+ Từ chối thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục khi Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục có hiệu lực.

+ Vi phạm Thỏa thuận trong thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục.

+ Thực hiện Hợp đồng mua sắm trang phục chậm tiến độ do lỗi của Bên B nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục.

### **Điều 8. Xử phạt do vi phạm Thỏa thuận khung**

- Trường hợp một bên vi phạm Thỏa thuận khung gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại. Mức bồi thường thiệt hại xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Trường hợp Bên B vi phạm Thỏa thuận khung thì ngoài việc phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bên A, Bên B sẽ không được hoàn trả bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục theo quy định tại Điều 7 của Thỏa thuận khung.

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án và giải quyết của Tòa án là cơ sở để các bên thực hiện.

### **Điều 9. Các nội dung liên quan**

#### **1. Hồ sơ Thỏa thuận khung và thứ tự ưu tiên**

1.1. Thỏa thuận khung bao gồm Thỏa thuận khung và các tài liệu kèm theo

1.2. Các tài liệu kèm theo Thỏa thuận khung là một bộ phận không tách rời của Thỏa thuận khung, bao gồm:

a) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

b) Hồ sơ mời thầu gói thầu “Mua sắm trang phục cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2021”;

c) Hồ sơ dự thầu gói thầu: “Mua sắm trang phục cho công chức, người lao động thuộc hệ thống Thi hành án dân sự năm 2021”;

d) Biên bản thương thảo Thỏa thuận khung số 01/TTTTK/TCTHADS-CTCP26 ngày 04/11/2021;

đ) Thông báo chấp nhận hồ sơ dự thầu và trao thỏa thuận khung;

e) Các Phụ lục kèm theo Thỏa thuận khung;

g) Các tài liệu khác có liên quan.

1.3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo Thỏa thuận khung theo thứ tự quy định tại Khoản 1.2. Điều này.

## 2. Các nội dung liên quan khác

- Luật điều chỉnh Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục là luật Việt Nam.

- Thỏa thuận khung này bao gồm các Phụ lục đính kèm sau:

+ Phụ lục 01: Thông số kỹ thuật trang phục;

+ Phụ lục 02: Số lượng, danh sách các đơn vị trực tiếp ký hợp đồng mua sắm và địa điểm giao trang phục;

+ Phụ lục 03: Hợp đồng mua sắm trang phục;

+ Phụ lục 04: Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận trang phục;

+ Phụ lục 05: Thanh lý Hợp đồng mua sắm trang phục;

Thỏa thuận khung này được làm thành 10 (mười) bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 05 (năm) bản, bên B giữ 04 (bốn) bản, Cục kế hoạch - Tài chính Bộ Tư pháp giữ 01 (một) bản./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CUNG CẤP TRANG PHỤC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
**CÔNG TY CỔ PHẦN 26**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Trịnh Xuân Hiếu**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ  
MUA SẮM TẬP TRUNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Trần Thị Phương Hoa**



## THÔNG SỐ KỸ THUẬT TRANG PHỤC

### 1. Đối với vải may trang phục

Vải may trang phục mới 100% và được sản xuất tại Việt Nam.

#### 1.1. Vải may quần áo thu đông, áo khoác ngoài mùa đông nam - nữ, Caravat, mũ kê pi nam, nữ

| TT  | Chỉ tiêu đánh giá  |              | Qui định                  | Dung sai                              | Phương pháp thử                       |
|-----|--|--------------|---------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| 1   | Vải  |              | Tuytsi pha len            |                                       |                                       |
| 2   | Màu sắc  |              | Xanh rêu sẫm<br>(như mẫu) | Độ sai lệch<br>màu: $\Delta E \leq 1$ |                                       |
| 3   | Khối lượng thực tế ( $\text{g}/\text{m}^2$ )                             |              | 250                       | $\pm 5\%$                             | TCVN 8042:2009                        |
| 4   | Kiểu dệt   |              | Vân chéo 2/1              |                                       | TCVN 4897:1989                        |
| 5   | Thành phần nguyên liệu (%)   |              | Polyeste/Wool:<br>70/30   | Polyeste: -5%<br>Wool: +5%            | ISO/TR 11827:2012<br>TCVN 5465-4:2009 |
| 6   | Thay đổi kích thước sau<br>giặt và làm khô ( $40^\circ\text{C}$ )<br>(%) | Dọc          | -2,0 ÷ +2,0               |                                       | TCVN 8041:2009                        |
|     |  | Ngang        | -1,5 ÷ +1,5               |                                       |                                       |
| 7   | Độ bền<br>màu giặt<br>( $40^\circ\text{C}$ )<br>(cấp)                    | Thay đổi màu |                           | $\geq 4$                              | TCVN 7835-<br>C10:2007                |
|     |  | Dây<br>màu   | Diaxetat                  | $\geq 4$                              |                                       |
|     |  |              | Bông                      | $\geq 4$                              |                                       |
|     |  |              | Polyamit                  | $\geq 4$                              |                                       |
|     |  |              | Polyeste                  | $\geq 4$                              |                                       |
|     |  |              | Acrylic                   | $\geq 4$                              |                                       |
| Len | $\geq 4$   |              |                           |                                       |                                       |
| 8   | Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)  |              | K.p.h.t                   |                                       | TCVN 7421-1:2013                      |
| 9   | Xác định các amin thơm giải<br>phóng từ chất màu azo (mg/kg)             |              | K.p.h.t                   |                                       | TCVN 7619-1:2007<br>TCVN 7619-2:2007  |

#### 1.2. Vải may quần xuân hè nam - nữ

| TT | Chỉ tiêu đánh giá | Qui định                  | Dung sai               | Phương pháp thử |
|----|-------------------|---------------------------|------------------------|-----------------|
| 1  | Vải               | Gabadin                   |                        |                 |
| 2  | Màu sắc           | Xanh rêu sẫm<br>(như mẫu) | Độ sai<br>lệch<br>màu: |                 |

|     |   |              |                              |                                |   |
|-----|---|--------------|------------------------------|--------------------------------|---|
| 3   | Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )                          |              | 257,6                        | $\Delta E \leq 1$<br>$\pm 5\%$ | TCVN 8042:2009                            |
| 4   | Kiểu dệt  |              | Vân chéo 2/1                 |                                | TCVN 4897:1989                            |
| 5   | Thành phần nguyên liệu (%)                                      |              | Polyeste/Visco:<br>64,8/35,2 | $\pm 3\%$                      | ISO/TR 11827:2012<br>TCVN 5465<br>11:2009 |
| 6   | Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (40 <sup>0</sup> C) (%) | Dọc          | -1,9 ÷ +1,5                  |                                | TCVN 8041:2009                            |
|     |   | Ngang        | -1,5 ÷ +1,5                  |                                |   |
| 7   | Độ bền màu giặt (40 <sup>0</sup> C) (cấp)                       | Thay đổi màu |                              | $\geq 4$                       | TCVN 7835-<br>C10:2007                    |
|     |   | Dây màu      | Diaxetat                     | $\geq 4$                       |   |
|     |   |              | Bông                         | $\geq 4$                       |   |
|     |   |              | Polyamit                     | $\geq 4$                       |   |
|     |   |              | Polyeste                     | $\geq 4$                       |   |
|     |   |              | Acrylic                      | $\geq 4$                       |   |
| Len | $\geq 4$  |              |                              |                                |   |
| 8   | Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)                                   |              | K.p.h.t                      |                                | TCVN 7421-1:2013                          |
| 9   | Xác định các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)       |              | K.p.h.t                      |                                | TCVN 7619-1:2007<br>TCVN 7619-2:2007      |

### 1.3. Vải may áo xuân hè ngắn tay nam - nữ

| TT | Chỉ tiêu đánh giá   |              | Qui định                   | Dung sai                           | Phương pháp thử                            |
|----|---|--------------|----------------------------|------------------------------------|--|
| 1  | Vải   |              | Pôpolin                    |                                    |  |
| 2  | Màu sắc   |              | Ghi sáng (như mẫu)         | Độ sai lệch màu: $\Delta E \leq 1$ |  |
| 3  | Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )                          |              | 172,1                      | $\pm 5\%$                          | TCVN 8042:2009                             |
| 4  | Kiểu dệt  |              | Vân điểm                   |                                    | TCVN 4897:1989                             |
| 5  | Thành phần nguyên liệu.(%)                                      |              | Polyeste/Visco<br>o: 65/35 | $\pm 3\%$                          | ISO/TR 11827:2012<br>TCVN 5465-<br>11:2009 |
| 6  | Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (40 <sup>0</sup> C) (%) | Dọc          | -1,5 ÷ +1,5                |                                    | TCVN 8041:2009                             |
|    |   | Ngang        | -1,5 ÷ +1,5                |                                    |  |
| 7  | Độ bền màu giặt (40 <sup>0</sup> C)                             | Thay đổi màu |                            | $\geq 4$                           | TCVN 7835-<br>C10:2007                     |
|    |   | Dây          | Diaxetat                   | $\geq 4$                           |  |

|   |   |     |          |    |  |                                      |
|---|---|-----|----------|----|--|--------------------------------------|
|   | (cấp)   | màu | Bông     | >4 |  |                                      |
|   |   |     | Polyamit | ≥4 |  |                                      |
|   |   |     | Polyeste | ≥4 |  |                                      |
|   |   |     | Acrylic  | ≥4 |  |                                      |
|   |   |     | Len      | ≥4 |  |                                      |
| 8 | Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)                             |     | K.p.h.t  |    |  | TCVN 7421-1:2013                     |
| 9 | Xác định các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg) |     | K.p.h.t  |    |  | TCVN 7619-1:2007<br>TCVN 7619-2:2007 |

#### 1.4. Vải may áo sơ mi trắng nam - nữ

| TT | Chỉ tiêu đánh giá   |       | Quy định                 | Dung sai | Phương pháp thử                        |
|----|---|-------|--------------------------|----------|--|
| 1  | Vải   |       | Pôpolin                  |          |  |
| 2  | Màu sắc   |       | Trắng (như mẫu)          |          |  |
| 3  | Khối lượng thực tế (g/m <sup>2</sup> )                          |       | 162,6                    | ±5%      | TCVN 8042:2009                         |
| 4  | Kiểu dệt  |       | Vân điểm                 |          | TCVN 4897:1989                         |
| 5  | Thành phần nguyên liệu (%)                                      |       | Polyeste/Visco : (63/37) | ±3%      | ISO/TR 11827:2012<br>TCVN 5465-11:2009 |
| 6  | Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô (40 <sup>0</sup> C) (%) | Dọc   | -1,5 ÷ +1,5              |          | TCVN 8041:2009                         |
|    |   | Ngang | -1,5 ÷ +1,5              |          |  |
| 7  | Độ trắng (cấp)  |       | ≥10                      |          | Theo thang đo độ trắng của CIBA-GEIGY  |
| 8  | Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)                                   |       | K.p.h.t                  |          | TCVN 7421-1:2013                       |
| 9  | Xác định các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)       |       | K.p.h.t                  |          | TCVN 7619-1:2007<br>TCVN 7619-2:2007   |

#### 1.5. Vải may áo chống rét mùa đông

| TT | Chỉ tiêu đánh giá |  | Quy định     | Dung sai         | Phương pháp thử |
|----|-------------------|--|--------------|------------------|-----------------|
| 1  | Vải               |  | Gabadin      |                  |                 |
| 2  | Màu sắc           |  | Xanh rêu sẫm | Độ sai lệch màu: |                 |

|     |   |                             |                   |  |          |
|-----|---|-----------------------------|-------------------|--|----------|
|     |   |                             | $\Delta E \leq 1$ |  |          |
| 3   | Khối lượng thực tế ( $\text{g/m}^2$ )                     | 206,1                       | $\pm 5\%$         | TCVN 8042:2009                         |          |
| 4   | Kiểu dệt  | Vân chéo 2/2                |                   | TCVN 4897:1989                         |          |
| 5   | Thành phần nguyên liệu (%)                                | Polyeste/Bông:<br>85,3/14,7 | $\pm 3\%$         | ISO/TR 11827:2012<br>TCVN 5465-11:2009 |          |
| 6   | Độ bền màu giặt ( $40^\circ\text{C}$ ) (cấp)              | Thay đổi màu                | $\geq 4$          | TCVN 7835-C10:2007                     |          |
|     |   | Dây màu                     | Diaxetat          |  | $\geq 4$ |
|     |   |                             | Bông              |  | $\geq 4$ |
|     |   |                             | Polyamit          |  | $\geq 4$ |
|     |   |                             | Polyeste          |  | $\geq 4$ |
|     |   |                             | Acrylic           |  | $\geq 4$ |
| Len | $\geq 4$  |                             |                   |  |          |
| 7   | Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)                             | K.p.h.t                     |                   | TCVN 7421-1:2013                       |          |
| 8   | Xác định các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg) | K.p.h.t                     |                   | TCVN 7619-1:2007<br>TCVN 7619-2:2007   |          |

## 2. Đối với may trang phục

### 2.1. Kiểu dáng, kỹ thuật may trang phục

| TT | Chỉ tiêu đánh giá | Mức yêu cầu để được đánh giá đạt  |
|----|-------------------|---|
| 1  | Trang phục nam    | <p>1. Áo thu đông mặc ngoài</p> <p>a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;</p> <p>b) Kiểu dáng là kiểu áo khoác bốn túi, bốn cúc; ve cổ kiểu chữ V, lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng (đồng mạ vàng, cúc ở nẹp áo và cúc ở 2 túi áo dưới có đường kính <math>\text{Ø}22</math> mm, cúc ở 2 túi áo trên có đường kính <math>\text{Ø}15</math> mm), có in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự (biểu trưng Thi hành án dân sự) (dập nổi hình ngôi sao năm (5) cánh ở giữa, bao quanh ngôi sao là hình cái khiên và 2 thanh kiếm chéo nhau ở phía sau khiên, xung quanh là hình hai (2) bông lúa, phía trên có chữ viết tắt THADS); áo có hai túi ốp trên và hai túi ốp dưới, nắp túi hơi lượn cong, bị túi lượn tròn, giữa bị túi có xúp chòm, phía trên chính giữa nắp túi áo trái có hai khuyết để cài biển tên; vai áo có hai đĩa vai; vạt áo vuông; tay áo làm bác tay rộng 9 cm, sống áo có xẻ sau; ngực áo và thân áo có ép keo mùng, trên</p> |

|  |  |
|--|--|
|  | <p>vai áo có chũ hai lớp canh tóc; áo được lót thân trước, thân sau, tay áo; vải lót đồng màu với màu của áo; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, bác tay đều hai đường may.</p> <p>2. Quần thu đông, quần xuân hè mặc ngoài</p> <p>a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;</p> <p>b) Kiểu dáng là quần âu kiểu ống đứng; thân trước một ly xếp, hai túi chéo, thân sau có chiết một ly, hai túi hậu cài khuy nhựa (miệng túi hậu 1cm); cửa quần có khóa kéo, đầu cạp có một móc và một cúc hãm trong (cúc bằng nhựa, có đường kính Ø15 mm), cạp có quai nhê, có một móc và một khuy; quần có sáu đĩa chia đều.</p> <p>3. Áo sơ mi dài tay</p> <p>a) Màu sắc là vải màu trắng;</p> <p>b) Kiểu dáng là kiểu cổ đực có chân; nẹp áo bong; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự (THADS, có đường kính Ø11 mm), màu của cúc cùng màu với màu của áo; có một túi bên trái, đáy túi vát góc; thân sau cầu vai chiết ly hai bên, gấu áo lượn tôm 5 cm; tay áo có măng séc, có một cúc chính và một cúc phụ bên cạnh; cổ áo, nẹp áo, măng séc tay, gấu áo may đều một đường 0,5 cm.</p> <p>4. Áo xuân hè mặc ngoài</p> <p>a) Màu sắc là vải màu ghi sáng;</p> <p>b) Kiểu dáng là áo kiểu cổ đực có chân; ve cổ có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự (THADS, có đường kính Ø11 mm), màu của cúc cùng với màu của áo; áo có hai túi ộp trên, giữa bị túi có một xúp nổi 3 cm, nắp trái đào và khuy cài, phía trên chính giữa nắp túi áo trái có hai khuyết để cài biển tên; vai áo có hai đĩa vai; tay áo gập gấu lơ vê; thân sau cầu vai chiết ly hai bên; vạt áo lượn tôm 5 cm; cổ áo và túi áo đều đều hai đường may.</p> <p>5. Áo khoác ngoài mùa đông</p> <p>a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;</p> <p>b) Kiểu dáng là áo kiểu cài thẳng ba cúc; ve cổ hình chữ K (ve thụt, cổ thò); thân trước có đề cúp ngực, thân sau có cầu vai, xẻ sau; phía trong áo có túi lót, phía ngoài áo có dây lưng vải; hai túi hơi làm chéo; có cá tay đầu nhọn đính một cúc; các đường đều nổi tám ply, vai áo có hai đĩa vai; ngực áo, tay áo đính cúc 2,5 cm; có hai túi lót kiểu hai viền; toàn bộ thân áo được dựng canh tóc. Cúc áo</p> |
|--|--|



|   |               |  |
|---|---------------|--|
|   |               | <p>bằng nhựa, cùng màu với màu áo, cúc ở nẹp áo có đường kính Ø25 mm, cúc ở tay áo có đường kính Ø25 mm, có in dập chữ THADS.</p> <p>6. Áo chống rét mùa đông</p> <p>a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;</p> <p>b) Kiểu dáng là áo bông ba lớp, kiểu áo khoác lửng dài tay, hai cổ, cổ trong có khóa kéo, cổ ngoài bẻ chữ K; nẹp áo có bốn cúc cùng màu với màu vải áo, (Cúc áo bằng nhựa có đường kính Ø20mm) vạt vuông; áo có hai túi, hai túi trên ộp ngoài, nắp nhọn ba cạnh cài cúc đồng, bị túi lượn tròn, giữa bị túi có đố túi, hai túi dưới bỏ, coi túi chéo rộng 3,8 cm; vai áo có hai đĩa vai; tay áo xuống tròn, phía lằn trong lót có bo len, có cá tay (Cúc ở tay áo bằng nhựa có đường kính Ø15mm); toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, cá tay đều điểu hai đường may song song; hai bên sườn xanh tê có dây đeo, đai áo rộng 4 cm; thân sau có đê cúp liền áo; vải lót toàn thân áo đồng màu với vải chính, giữa lằn ngoài và lằn lót thân là lớp bông loại 100 gram, giữa lằn ngoài và lằn lót tay là lớp bông loại 80 gram, giữa lằn ngoài và lằn lót nẹp, cổ, nắp túi, bật vai, cá tay là lớp bông 40 gram.</p>           |
| 2 | Trang phục nữ | <p>1. Áo thu đông mặc ngoài</p> <p>a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;</p> <p>b) Kiểu dáng là kiểu áo khoác hai túi, bốn cúc; ve áo kiểu chữ V, lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng kim loại mạ màu vàng (đồng mạ vàng, cúc ở nẹp áo có đường kính Ø18 mm, cúc ở túi áo có đường kính Ø18 mm), có in dập biểu tượng ngành thi hành án dân sự (biểu trưng Thi hành án dân sự) (dập nổi hình ngôi sao năm (5) cánh ở giữa, bao quanh ngôi sao là hình cái khiên và 2 thanh kiếm chéo nhau ở phía sau khiên, xung quanh là hình hai (2) bông lúa, phía trên có chữ viết tắt THADS); phía trên chính giữa ngực trái có hai khuyết để cài biển tên; hai túi dưới bỏ coi có nắp, nắp túi hơi lượn cong, thân túi chìm; vai áo có hai đĩa vai; vạt áo vuông; tay áo có làm bác tay rộng 7 cm; sống áo có xẻ sau; thân áo có ép keo mừng; áo được lót thân trước, thân sau, tay áo; vải lót đồng màu với màu của áo; toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, bác tay điểu hai đường may.</p> <p>2. Quần thu đông và quần xuân hè mặc ngoài</p> <p>a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;</p> <p>b) Kiểu dáng là dáng quần âu kiểu sông đứng,</p> |

quần cạp 4 cm, hai túi chéo, thân sau có chiết một ly; cửa quần có khóa kéo, cạp có quai nhỏ, có một khuy, một móc; quần có năm đĩa chia đều.

### 3. Áo sơ mi dài tay

a) Màu sắc là vải màu trắng;

b) Kiểu dáng là kiểu cổ đực có chân; nẹp áo bong; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự (THADS), màu của cúc cùng với màu của áo (cúc áo có đường kính Ø11 mm); thân chiết bốn ly, có hai ly ven ngực; gấu áo lượn tằm 5 cm; tay áo có măng séc 7 cm, cài 2 khuy, có bỏ thép tay (có xếp một ly tay); toàn bộ cổ áo, nẹp áo, măng séc may mí một đường, gấu áo may cuộn 0,5 cm.

### 4. Áo xuân hè mặc ngoài

a) Màu sắc: Vải màu ghi sáng;

b) Kiểu dáng là kiểu thân áo bẫy mảnh, hai túi, bốn cúc; ve cổ hình chữ K (ve thụt, cổ thò), lá cổ trên có khuyết cài phù hiệu; cúc áo bằng nhựa in dập chữ viết tắt ngành thi hành án dân sự (THADS), màu của cúc cùng với màu của áo (cúc áo có đường kính Ø11 mm); phía trên chính giữa ngực trái có hai khuyết để cài biển tên; áo có hai túi dưới, nắp túi lượn cong, đáy túi vát góc, giữa bì túi có một xúp nổi 3 cm; có hai đĩa cầu vai; gấu áo bằng, gấu tay áo may gấp lờ vê; toàn bộ cổ áo, túi áo có điều hai đường may.

### 5. Áo khoác ngoài mùa đông

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là áo kiểu cài thẳng ba cúc; ve cổ hình chữ K (ve thụt, cổ thò); thân trước có đê cúp ngực, thân sau có cầu vai, xẻ sau; phía trong áo có túi lót, phía ngoài áo có dây lưng vải; hai túi coi làm chéo; có cá tay đầu nhọn dính một cúc; các đường điều nổi tám ply, vai áo có hai đĩa vai; ngực áo, tay áo dính cúc 2,5 cm; có hai túi lót kiểu hai viền; toàn bộ thân áo được dựng canh tóc. Cúc áo bằng nhựa, cùng màu với màu áo, cúc ở nẹp áo có đường kính Ø25 mm, cúc ở tay áo có đường kính Ø25 mm, ), có in dập chữ viết tắt THADS.

### 6. Áo chống rét mùa đông

a) Màu sắc là vải màu xanh rêu sẫm;

b) Kiểu dáng là áo bông ba lớp, kiểu áo khoác lưng dài tay, hai cổ, cổ trong có khóa kéo, cổ ngoài bề chữ K; nẹp áo có bốn cúc cùng màu với màu vải

|   |                         |  |
|---|-------------------------|--|
|   |                         | áo, (Cúc áo bằng nhựa có đường kính Ø18mm), vạt vuông; áo có hai túi dưới bả, coi túi chéo rộng 3,8 cm; vai áo có hai đĩa vai; tay áo xung tròn, phía bên trong lót có bo len, có cá tay (Cúc ở tay áo bằng nhựa có đường kính Ø15mm); toàn bộ ve áo, cổ áo, nẹp áo, túi áo, cá tay đều có hai đường may đều song song; hai bên sườn xanh tê có dây đeo, đai áo rộng 4 cm; thân sau có đờ cúp liền áo; vải lót toàn thân áo đồng màu với vải chính, giữa bên ngoài và bên trong lót là lớp bông loại 100 gram, giữa bên ngoài và bên trong lót tay là lớp bông loại 80 gram, giữa bên ngoài và bên trong lót nẹp, cổ, nắp túi, bít vai, cá tay là lớp bông 40 gram.  |
| 3 | Mũ Kê pi                | <ol style="list-style-type: none"> <li>Màu sắc theo màu áo thu đông mặc ngoài.</li> <li>Kiểu dáng là mũ có thành cong, đỉnh và cầu mũ được làm bằng cùng một loại vải, phía trước có lưỡi trai bằng nhựa màu đen bóng, thấp dần về phía trước; mũ có dây cooc đồng màu vàng, hai đầu được đính bằng cúc kim loại màu vàng, trên mặt cúc có hình ngôi sao năm cánh nổi; phía trước cầu mũ có đục ôzê chính giữa; hai bên thành mũ có đục bốn ôzê; thành mũ phía trước được dựng bằng nhựa mỏng; lót cầu mũ làm bằng vải trắng nhựa, phía trong được gắn với bọt xốp.</li> </ol>   |
| 4 | Caravat                 | <ol style="list-style-type: none"> <li>Màu sắc là màu xanh rêu sẫm.</li> <li>Caravat có độ dài, rộng vừa phải; kiểu thắt sẵn, có khóa kéo, có chốt hãm tự động.</li> </ol>   |
| 5 | Mũ bảo hiểm thi hành án | <ul style="list-style-type: none"> <li>Mũ bảo hiểm thi hành án là loại mũ bảo hiểm có màu xanh rêu sẫm, phía ngoài bên phải trên thân mũ có in dòng chữ “THI HÀNH ÁN DÂN SỰ”.</li> <li>Nhà thầu phải cung cấp các chứng nhận hợp quy Mũ bảo hiểm đã cung cấp trong các hợp đồng tương tự: Có cam kết nếu được trúng thầu mũ bảo hiểm trước khi được giao cho người sử dụng thì nhà thầu sẽ cung cấp giấy chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 2 : 2008/BKHCN, Thông tư liên tịch số : 06/2013/TTLT-BKHCN-BCT-BCA-BGTVT ngày 28/2/2013 quy định về sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh và sử dụng mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy, xe đạp máy.</li> <li>Mũ theo hình 1.b và 1.c quy định tại Quyết định số 04/2008/QĐ-BKHCN ngày 28/4/2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul> |



## 2.2. Phụ liệu may

| STT | Tên nguyên phụ liệu      | Nhà sản xuất và cung ứng                    | Sản Phẩm   |
|-----|--------------------------|---|--|
| 1   | Vải tuytsi pha len       | Công ty Cổ phần dệt lụa Nam Định            | May quần áo thu đông, áo khoác ngoài mùa đông, caravat, mũ kê pi |
| 2   | Vải Gabadin màu rêu sẫm  |   | May quần xuân hè   |
| 3   | Vải Pôpôlin màu trắng    |   | May áo sơ mi   |
| 4   | Vải Pôpôlin màu ghi sáng |   | May áo xuân hè   |
| 5   | Vải Gabadin màu rêu sẫm  |   | May áo chống rét mùa đông  |
| 6   | Vải lót, vải bồi xốp     | Công ty TNHH Phong Lan                      | May lót áo, lót túi, lót mũ kê pi, mũ bảo hiểm                   |
| 7   | Cúc kim loại             | Công ty Cổ phần Z198 Việt Nam               | Mũ kê pi, cúc áo thu đông  |
| 8   | Cúc nhựa                 | Công ty Cổ phần phụ liệu may Vikan Việt Nam |  |
| 9   | Khóa nhựa                |   |  |
| 10  | Chỉ may                  |   |  |
| 11  | Mex                      |   |  |
| 12  | Canh tóc                 |   |  |
| 13  | Ken vai                  |   |  |
| 14  | Bông                     |   |  |
| 15  | Băng dệt mũ kê pi        |   |  |
| 16  | Chỉ may                  |   |  |
| 17  | Xốp mũ bảo hiểm          |   |  |
| 18  | Dây mũ bảo hiểm          |   |  |
| 19  | Túi đựng, móc treo...    |   |  |

**SỐ LƯỢNG VÀ DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP MUA SẮM TRANG PHỤC  
VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO TRANG PHỤC**

| Đơn vị          | Số lượng trang phục             |   |  |                                  |                         |                         |                                 |                                       | Địa điểm giao, nhận tài sản |
|-----------------|---------------------------------|---|--|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|
|                 | Quần áo thu đông<br><i>(bộ)</i> | Áo khoác ngoài mùa đông<br><i>(cái)</i> | Quần áo xuân hè mặc ngoài<br><i>(bộ)</i> | Áo sơ mi dài tay<br><i>(cái)</i> | Caravat<br><i>(cái)</i> | Mũ kêpi<br><i>(cái)</i> | Mũ bảo hiểm THA<br><i>(cái)</i> | Áo chống rét mùa đông<br><i>(cái)</i> |                             |
| <b>Tổng số</b>  | <b>2.323</b>                    | <b>1.977</b>                            | <b>13.130</b>                            | <b>10.715</b>                    | <b>13.560</b>           | <b>6.780</b>            | <b>6.045</b>                    | <b>4.805</b>                          |                             |
| VĂN PHÒNG TC    | 44                              | 44                                      | 190                                      | 159                              | 192                     | 96                      | 95                              | 155                                   | Tại Văn phòng Tổng cục      |
| <b>CQ THADS</b> | <b>2.279</b>                    | <b>1.933</b>                            | <b>12.940</b>                            | <b>10.556</b>                    | <b>13.368</b>           | <b>6.684</b>            | <b>5.950</b>                    | <b>4.650</b>                          |                             |
| HÀ NỘI          | 104                             | 102                                     | 658                                      | 562                              | 686                     | 343                     | 327                             | 488                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| HẢI PHÒNG       | 84                              | 53                                      | 348                                      | 233                              | 364                     | 182                     | 143                             | 191                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| TP.HCM          | 93                              | 82                                      | 892                                      | 669                              | 892                     | 446                     | 402                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| ĐÀ NẴNG         | 34                              | 33                                      | 160                                      | 137                              | 160                     | 80                      | 75                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| CẦN THƠ         | 21                              | 17                                      | 186                                      | 144                              | 186                     | 93                      | 82                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| NAM ĐỊNH        | 14                              | 12                                      | 178                                      | 121                              | 178                     | 89                      | 87                              | 110                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| HÀ NAM          | 18                              | 10                                      | 114                                      | 88                               | 114                     | 57                      | 49                              | 72                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| HẢI DƯƠNG       | 40                              | 35                                      | 184                                      | 153                              | 180                     | 90                      | 87                              | 128                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| HƯNG YÊN        | 24                              | 21                                      | 148                                      | 130                              | 158                     | 79                      | 71                              | 103                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| THÁI BÌNH       | 16                              | 15                                      | 118                                      | 115                              | 122                     | 61                      | 58                              | 92                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| LONG AN         | 41                              | 40                                      | 246                                      | 229                              | 246                     | 123                     | 120                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| TIỀN GIANG      | 49                              | 41                                      | 276                                      | 200                              | 276                     | 138                     | 126                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BẾN TRE         | 37                              | 33                                      | 188                                      | 147                              | 188                     | 94                      | 83                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| ĐỒNG THÁP       | 45                              | 34                                      | 276                                      | 201                              | 276                     | 138                     | 124                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| VĨNH LONG       | 26                              | 23                                      | 198                                      | 140                              | 198                     | 99                      | 89                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| AN GIANG        | 37                              | 35                                      | 216                                      | 180                              | 216                     | 108                     | 101                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| KIÊN GIANG      | 51                              | 36                                      | 270                                      | 220                              | 270                     | 135                     | 111                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| HẬU GIANG       | 37                              | 29                                      | 162                                      | 123                              | 162                     | 81                      | 66                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BẠC LIÊU        | 18                              | 18                                      | 112                                      | 111                              | 112                     | 56                      | 54                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| CÀ MAU          | 37                              | 32                                      | 190                                      | 159                              | 190                     | 95                      | 84                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| TRÀ VINH        | 23                              | 16                                      | 178                                      | 132                              | 178                     | 89                      | 77                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| SÓC TRĂNG       | 33                              | 32                                      | 162                                      | 139                              | 162                     | 81                      | 74                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |

| Đơn vị         | Số lượng trang phục             |   |  |                                  |                         |                         |                                 |                                       | Địa điểm giao, nhận tài sản |
|----------------|---------------------------------|---|--|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|
|                | Quần áo thu đông<br><i>(bộ)</i> | Áo khoác ngoài mùa đông<br><i>(cái)</i> | Quần áo xuân hè mặc ngoài<br><i>(bộ)</i> | Áo sơ mi dài tay<br><i>(cái)</i> | Caravat<br><i>(cái)</i> | Mũ kêpi<br><i>(cái)</i> | Mũ bảo hiểm THA<br><i>(cái)</i> | Áo chống rét mùa đông<br><i>(cái)</i> |                             |
| BẮC NINH       | 18                              | 14                                      | 126                                      | 98                               | 124                     | 62                      | 59                              | 87                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BẮC GIANG      | 34                              | 28                                      | 186                                      | 149                              | 194                     | 97                      | 87                              | 120                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| VĨNH PHÚC      | 15                              | 9                                       | 166                                      | 130                              | 162                     | 81                      | 77                              | 103                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| PHÚ THỌ        | 43                              | 37                                      | 200                                      | 167                              | 202                     | 101                     | 96                              | 141                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| NINH BÌNH      | 20                              | 17                                      | 140                                      | 111                              | 138                     | 69                      | 67                              | 93                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| THANH HÓA      | 48                              | 43                                      | 392                                      | 303                              | 410                     | 205                     | 191                             | 258                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| NGHỆ AN        | 39                              | 33                                      | 252                                      | 267                              | 276                     | 138                     | 120                             | 225                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| HÀ TĨNH        | 51                              | 33                                      | 184                                      | 151                              | 178                     | 89                      | 74                              | 120                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| QUẢNG BÌNH     | 38                              | 36                                      | 126                                      | 110                              | 132                     | 66                      | 61                              | 96                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| QUẢNG TRỊ      | 27                              | 22                                      | 152                                      | 120                              | 156                     | 78                      | 71                              | 95                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| THỪA THIÊN HUỆ | 31                              | 16                                      | 170                                      | 116                              | 164                     | 82                      | 70                              | 92                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BÀ RỊA-V/TAU   | 40                              | 36                                      | 170                                      | 134                              | 170                     | 85                      | 75                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BÌNH THUẬN     | 42                              | 34                                      | 210                                      | 160                              | 210                     | 105                     | 88                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| ĐỒNG NAI       | 64                              | 55                                      | 330                                      | 224                              | 330                     | 165                     | 145                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BÌNH DƯƠNG     | 53                              | 52                                      | 218                                      | 165                              | 218                     | 109                     | 106                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BÌNH PHƯỚC     | 36                              | 30                                      | 200                                      | 154                              | 200                     | 100                     | 91                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| TÂY NINH       | 39                              | 37                                      | 248                                      | 185                              | 248                     | 124                     | 116                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| QUẢNG NAM      | 49                              | 42                                      | 290                                      | 197                              | 290                     | 145                     | 137                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BÌNH ĐỊNH      | 33                              | 28                                      | 228                                      | 162                              | 228                     | 114                     | 103                             | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| KHÁNH HÒA      | 18                              | 12                                      | 208                                      | 135                              | 208                     | 104                     | 96                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| QUẢNG NGÃI     | 44                              | 38                                      | 214                                      | 160                              | 214                     | 107                     | 94                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| PHÚ YÊN        | 41                              | 39                                      | 142                                      | 126                              | 142                     | 71                      | 69                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| NINH THUẬN     | 16                              | 15                                      | 146                                      | 103                              | 146                     | 73                      | 56                              | 0                                     | Tại trụ sở Cục THADS        |
| THÁI NGUYÊN    | 26                              | 19                                      | 180                                      | 142                              | 182                     | 91                      | 83                              | 115                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| BẮC KẠN        | 20                              | 14                                      | 114                                      | 99                               | 126                     | 63                      | 51                              | 74                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| CAO BẰNG       | 38                              | 27                                      | 194                                      | 152                              | 210                     | 105                     | 86                              | 114                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| LẠNG SƠN       | 34                              | 33                                      | 124                                      | 144                              | 148                     | 74                      | 61                              | 108                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| TUYÊN QUANG    | 24                              | 20                                      | 122                                      | 105                              | 130                     | 65                      | 57                              | 83                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |

| Đơn vị     | Số lượng trang phục             |   |  |                                  |                         |                         |                                 |                                       | Địa điểm giao, nhận tài sản |
|------------|---------------------------------|---|--|----------------------------------|-------------------------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|
|            | Quần áo thu đông<br><i>(bộ)</i> | Áo khoác ngoài mùa đông<br><i>(cái)</i> | Quần áo xuân hè mặc ngoài<br><i>(bộ)</i> | Áo sơ mi dài tay<br><i>(cái)</i> | Caravat<br><i>(cái)</i> | Mũ kêpi<br><i>(cái)</i> | Mũ bảo hiểm THA<br><i>(cái)</i> | Áo chống rét mùa đông<br><i>(cái)</i> |                             |
| HÀ GIANG   | 25                              | 25                                      | 154                                      | 142                              | 184                     | 92                      | 77                              | 104                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| YÊN BÁI    | 25                              | 23                                      | 140                                      | 129                              | 156                     | 78                      | 68                              | 105                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| LÀO CAI    | 15                              | 10                                      | 168                                      | 119                              | 180                     | 90                      | 79                              | 94                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| HÒA BÌNH   | 38                              | 35                                      | 108                                      | 135                              | 110                     | 55                      | 51                              | 110                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| SƠN LA     | 27                              | 22                                      | 164                                      | 149                              | 188                     | 94                      | 77                              | 120                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| ĐIỆN BIÊN  | 22                              | 17                                      | 138                                      | 129                              | 166                     | 83                      | 64                              | 100                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| LAI CHÂU   | 20                              | 17                                      | 72                                       | 88                               | 92                      | 46                      | 33                              | 69                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| QUẢNG NINH | 48                              | 38                                      | 270                                      | 199                              | 276                     | 138                     | 125                             | 159                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| LÂM ĐỒNG   | 37                              | 33                                      | 190                                      | 183                              | 212                     | 106                     | 91                              | 145                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| GIA LAI    | 42                              | 38                                      | 204                                      | 205                              | 244                     | 122                     | 98                              | 165                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| ĐẮK LẮC    | 54                              | 47                                      | 214                                      | 233                              | 248                     | 124                     | 100                             | 185                                   | Tại trụ sở Cục THADS        |
| ĐẮK NÔNG   | 33                              | 31                                      | 114                                      | 120                              | 134                     | 67                      | 55                              | 93                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |
| KON TUM    | 30                              | 29                                      | 112                                      | 123                              | 128                     | 64                      | 55                              | 93                                    | Tại trụ sở Cục THADS        |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG MUA SẮM TRANG PHỤC**

Số: ...../HĐMSTS-THADS-CTCP26

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thỏa thuận khung số 01/TTK-TCTHADS-CTCP26 ngày .... tháng 11 năm 2021 giữa Tổng cục Thi hành án dân sự và Công ty Cổ phần 26;*

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2021, tại ....., chúng tôi gồm có:

**I. Nhà thầu cung cấp trang phục:**

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN 26**

Địa chỉ : Đường Hội Xá, Tổ 5. Phúc Lợi, quận Long Biên, TP.Hà Nội

Điện thoại : 02438.751461 Fax: 02438.751460

Mã số thuế : 0100108818

Số tài khoản : 0531100001007

Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Long Biên – Hà Nội

Đại diện : Ông Trịnh Xuân Hiếu Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

**II. Đơn vị trực tiếp sử dụng trang phục (Bên mua sắm trang phục):**

Tên đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Mã số quan hệ với NSNN: .....

Số tài khoản: ..... tại kho bạc nhà nước .....

Đại diện bởi: ....., chức vụ .....

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng mua sắm trang phục với các nội dung như sau:

**Điều 1. Chủng loại, yêu cầu kỹ thuật**

1. Chủng loại là trang phục.

2. Yêu cầu kỹ thuật của trang phục chi tiết kèm theo hợp đồng (theo Phụ lục 01 kèm theo Thỏa thuận khung).

**Điều 2. Số lượng, giá bán trang phục**

Tổng giá tiền của Hợp đồng: .....đồng

(Bằng chữ: .....đồng)

| TT          | Danh mục hàng hóa          | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|-------------|----------------------------|-----|----------|----------------|-------------------|
| 1           | Quần áo thu đông mặc ngoài | Bộ  | ...      | 1.149.500      | .....             |
| 2           | Áo khoác ngoài mùa đông    | Cái | ...      | 949.300        | .....             |
| 3           | Quần áo xuân hè mặc ngoài  | Bộ  | ...      | 499.950        | .....             |
| 4           | Áo sơ mi dài tay           | Cái | ...      | 189.750        | .....             |
| 5           | Caravat                    | Cái | ...      | 64.900         | .....             |
| 6           | Mũ kêpi trang phục         | Cái | ...      | 139.700        | .....             |
| 7           | Mũ bảo hiểm Thi hành án    | Cái | ...      | 330.000        | .....             |
| 8           | Áo khoác chống rét         | Cái | ...      | 849.200        | .....             |
| <b>Tổng</b> |                            |     |          |                | .....             |

Giá trên đã bao gồm Thuế GTGT, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan.

**Điều 3. Phương thức và thời hạn thanh toán**

Bên mua sắm trang phục thanh toán theo hình thức chuyển khoản 01 lần cho mỗi Nhà thầu cung cấp trang phục sau khi Nhà thầu cung cấp trang phục hoàn thành việc bàn giao, nghiệm thu tài sản trong vòng không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày Nhà thầu cung cấp trang phục xuất trình đầy đủ các chứng từ theo quy định của pháp luật.

**Điều 4. Thời gian, địa điểm giao, nhận trang phục**

## 1. Thời gian giao, nhận trang phục

Ngay sau khi Hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu cung cấp trang phục có trách nhiệm giao đầy đủ trang phục cho Bên mua sắm trang phục trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận khung.

## 2. Địa điểm giao, nhận trang phục

Tại trụ sở Bên mua sắm trang phục (trụ sở Văn phòng Tổng cục và Cục THADS).

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

## 1. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu cung cấp trang phục

### 1.1. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu cung cấp trang phục

- Xây dựng kế hoạch, liên hệ với các đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục để ký và thực hiện Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Giao trang phục và chứng từ liên quan theo đúng số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm và các điều khoản quy định khác của Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục. .

- Nhà thầu cung cấp trang phục phải nêu rõ xuất xứ của trang phục và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của trang phục.

- Nhà thầu cung cấp trang phục phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến trang phục mà Nhà thầu cung cấp trang phục đã cung cấp theo Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Nhà thầu cung cấp trang phục chịu trách nhiệm đóng gói, vận chuyển trang phục; bốc dỡ phù hợp với điều kiện thực tế tại địa điểm sử dụng quy định trong Thỏa thuận khung và Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Nhà thầu cung cấp trang phục phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành điều chỉnh những trang phục không phù hợp để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật theo Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục. Trường hợp Nhà thầu cung cấp trang phục không có khả năng thay thế hay điều chỉnh trang phục không phù hợp, Bên mua sắm trang phục có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu cung cấp trang phục chịu.

- Yêu cầu đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục thanh toán theo quy định của Hợp đồng và pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đầy đủ các cam kết và nội dung khác đã ghi trong Hồ sơ dự thầu.

- Trong thời hạn bảo hành, Nhà thầu cung cấp trang phục có quyền từ chối bảo hành khi trang phục bị hỏng do bị phá hoại, sử dụng không đúng quy cách, trang phục đã được can thiệp, sửa chữa bởi đơn vị khác không phải Nhà thầu cung cấp trang phục lý do thiên tai, chiến tranh.

- Nhà thầu cung cấp trang phục có thể chấm dứt Hợp đồng mua sắm trang phục mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào trong trường hợp đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục có các hành vi vi phạm cơ bản về Hợp đồng.

- Có trách nhiệm lấy số đo với từng công chức, người lao động tại trụ sở các cơ quan được may sắm trang phục.

- Chịu trách nhiệm phát hành Bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung.

- Chịu trách nhiệm đối với toàn bộ nghĩa vụ phát sinh với Ngân hàng liên quan đến các phần việc của đơn vị trong suốt quá trình thực hiện Thỏa thuận khung.

- Chịu trách nhiệm bàn giao trang phục, cho các Đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục; phát hành hóa đơn, tiếp nhận kinh phí thanh toán tiền may sắm trang phục đối với phần trang phục, do nhà thầu chịu trách nhiệm cung cấp.

- Thực hiện nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

## 1.2. Bảo hành

Trang phục theo Điều 1 được bảo hành theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, yêu cầu của Hồ sơ mời thầu và cam kết của Hồ sơ dự thầu.

Thời hạn bảo hành: Thời hạn bảo hành là 12 tháng kể từ ngày hai bên ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận trang phục.

Khi phát sinh hư hỏng, sự cố của tài sản trong thời hạn bảo hành, Bên mua sắm trang phục sẽ thông báo cho Nhà thầu cung cấp trang phục qua điện thoại hoặc bằng văn bản (fax) mô tả hiện tượng của sự cố để được hướng dẫn cách xử lý. Trong vòng 72 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua sắm trang phục, Nhà thầu cung cấp trang phục phải cử cán bộ kỹ thuật đến kiểm tra, xử lý hoặc nhận trang phục đi khắc phục các lỗi như bung chỉ, tuột khuy, hỏng khóa,... Việc kiểm tra, khắc phục các hư hỏng khuyết tật phải được thực hiện trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mua sắm trang phục.

Trường hợp quá thời hạn cam kết có mặt tại địa điểm của Bên mua sắm trang phục để sửa chữa, khắc phục sự cố mà Nhà thầu vẫn vắng mặt hoặc Nhà thầu không thể sửa chữa, khắc phục sự cố trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Bên mua sắm trang phục có quyền đưa ra phương án giải quyết. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa, khắc phục do Nhà thầu chi trả trên cơ sở chứng từ thực tế phát sinh được Bên mua sắm trang phục gửi đến để thanh toán. Nếu nhà thầu không thanh toán trực tiếp khoản tiền này, Tổng cục Thi hành án dân sự sẽ yêu cầu ngân hàng chuyển vào tài khoản của đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục sau khi đơn vị báo cáo bằng văn bản về Tổng cục.



Tổng cục sẽ yêu cầu ngân hàng thanh toán cho các đơn vị 01 lần/1 quý (nếu có) vào thời điểm cuối mỗi quý.

- Địa điểm bảo hành: Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra trang phục khi có sự cố tại trụ sở Bên mua sắm trang phục và bảo hành để khắc phục, sửa chữa (nếu cần thiết).

- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu:

Khi có thiết bị cần bảo hành, Bên mua sắm trang phục liên hệ trực tiếp với Nhà thầu để Nhà thầu hướng dẫn thủ tục, địa chỉ bảo hành như sau:

Đơn vị thụ hưởng : Công ty Cổ phần 26

Tài khoản : 0531100001007

Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Long Biên – Hà Nội

## **2. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua sắm trang phục**

- Công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu, nội dung Thỏa thuận khung và ký kết Hợp đồng mua sắm trang phục với Nhà thầu cung cấp trang phục trên cơ sở Thỏa thuận khung.

- Từ chối tiếp nhận trang phục do Nhà thầu cung cấp trang phục cung cấp nếu phát hiện không đúng chủng loại trang phục quy định tại Hợp đồng mua sắm trang phục. Yêu cầu Nhà thầu cung cấp trang phục khắc phục trong trường hợp giao trang phục không phù hợp với Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Ngừng thanh toán tiền mua trang phục khi có bằng chứng về việc Nhà thầu cung cấp trang phục lừa dối, có bằng chứng về việc trang phục đang là đối tượng bị tranh chấp, hoặc có bằng chứng về việc Nhà thầu cung cấp trang phục đã giao trang phục không phù hợp với Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Thanh toán cho Nhà thầu cung cấp trang phục theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán theo quy định trong Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết tại địa điểm sử dụng trang phục để Nhà thầu cung cấp trang phục tập kết và bàn giao theo kế hoạch, tiến độ đã thỏa thuận trong Hợp đồng mua sắm trang phục.

- Bố trí cán bộ kiểm tra, tiếp nhận bàn giao trang phục, hồ sơ tài liệu và tiếp thu hướng dẫn sử dụng.

## **Điều 6. Chế độ xử phạt do vi phạm hợp đồng**

- Trường hợp Nhà thầu cung cấp trang phục vi phạm Thỏa thuận khung thì ngoài việc phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bên mua sắm trang phục Nhà thầu sẽ không được hoàn trả bảo đảm thực hiện Thỏa thuận khung, Hợp đồng mua sắm trang phục theo quy định tại Điều 7 của Thỏa thuận khung.

- Nhà thầu cung cấp trang phục và Bên mua sắm trang phục có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong vòng 60 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án và giải quyết của Tòa án là cơ sở để các bên thực hiện.

Hợp đồng này được làm thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau; đơn vị trực tiếp ký Hợp đồng mua sắm trang phục giữ 02 bản; Nhà thầu cung cấp trang phục giữ 02 bản; gửi 01 bản cho đơn vị mua sắm tập trung./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CUNG CẤP TRANG PHỤC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP KÝ HỢP  
ĐỒNG MUA SẮM TRANG PHỤC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO,  
TIẾP NHẬN TRANG PHỤC**  
Số: ...../BBBG

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số 01/TTK-TCTHADS-CTCP26 ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa Tổng cục Thi hành án dân sự và Công ty Cổ phần 26;

Căn cứ Hợp đồng mua sắm trang phục số ..... ký ngày..... tháng ....năm 2021 giữa ..... và Công ty Cổ phần 26;

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm 2021, tại ....., chúng tôi gồm có:

**I. Đại diện bên giao: CÔNG TY CỔ PHẦN 26**

Ông: Trịnh Xuân Hiếu Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông : Nguyễn Trường Nam Chức vụ: Trưởng phòng KHSXKD

**II. Đại diện bên nhận:**

Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

Thống nhất thực hiện nghiệm thu, bàn giao và tiếp nhận trang phục như sau:

**1. Trang phục thực hiện bàn giao, tiếp nhận:**

| TT | Danh mục hàng hóa          | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|----|----------------------------|-----|----------|---------|
| 1  | Quần áo thu đông mặc ngoài | Bộ  | ...      |         |
| 2  | Áo khoác ngoài mùa đông    | Cái | ...      |         |
| 3  | Quần áo xuân hè mặc ngoài  | Bộ  | ...      |         |
| 4  | Áo sơ mi dài tay           | Cái | ...      |         |
| 5  | Caravat                    | Cái | ...      |         |
| 6  | Mũ kêpi trang phục         | Cái | ...      |         |
| 7  | Mũ bảo hiểm Thi hành án    | Cái | ...      |         |
| 8  | Áo khoác chống rét         | Cái | ...      |         |



2. Các hồ sơ về trang phục bàn giao, tiếp nhận (nếu có):.....

3. Ý kiến của các bên giao, bên nhận (nếu có): .....

.....

Biên bản này được lập thành làm thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên trực tiếp ký hợp đồng mua sắm trang phục giữ 02 bản, Bên nhà thầu cung cấp trang phục giữ 02 bản còn 01 bản gửi lại đơn vị mua sắm tập trung./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU  
CUNG CẤP TRANG PHỤC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP  
KÝ HỢP ĐỒNG MUA SẮM  
TRANG PHỤC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THANH LÝ HỢP ĐỒNG MUA SẮM TRANG PHỤC**

Số: ...../TL

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thỏa thuận khung mua sắm tập trung số 01/TTK-TCTHADS-CTCP26 ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa Tổng cục Thi hành án dân sự và Công ty Cổ phần 26.*

*Căn cứ Hợp đồng mua sắm số:...../HĐMSTS-THADS-CTCP26 ngày...../...../2021 giữa Công ty Cổ phần 26 và .....*

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 2021, tại ....., chúng tôi gồm có:

**I. Nhà thầu cung cấp trang phục**

Đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN 26**

Địa chỉ : Đường Hội Xá, Tổ 5. Phúc Lợi, quận Long Biên, TP.Hà Nội

Điện thoại : 02438.751461 Fax: 02438.751460

Mã số thuế : 0100108818

Số tài khoản : 0531100001007

Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Long Biên – Hà Nội

Đại diện : Ông Trịnh Xuân Hiếu Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

**II. Đơn vị trực tiếp sử dụng trang phục (Bên mua sắm trang phục)**

Tên đơn vị: .....

Mã số quan hệ với NSNN: .....

Mã số thuế(nếu có): .....

Tài khoản:.....

Tại:.....

Đại diện bởi: ....., chức vụ .....

Hai bên thống nhất ký Thanh lý Hợp đồng mua sắm trang phục với các nội dung sau:

**1. Về giao nhận trang phục**

Theo Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận trang phục, Nhà thầu đã giao, Bên mua sắm trang phục đã nhận cụ thể như sau:

| TT          | Danh mục hàng hóa          | ĐVT | Số lượng | Đơn giá<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng) |
|-------------|----------------------------|-----|----------|-------------------|----------------------|
| 1           | Quần áo thu đông mặc ngoài | Bộ  | ...      | 1.149.500         | .....                |
| 2           | Áo khoác ngoài mùa đông    | Cái | ...      | 949.300           | .....                |
| 3           | Quần áo xuân hè mặc ngoài  | Bộ  | ...      | 499.950           | .....                |
| 4           | Áo sơ mi dài tay           | Cái | ...      | 189.750           | .....                |
| 5           | Caravat                    | Cái | ...      | 64.900            | .....                |
| 6           | Mũ kêpi trang phục         | Cái | ...      | 139.700           | .....                |
| 7           | Mũ bảo hiểm Thi hành án    | Cái | ...      | 330.000           | .....                |
| 8           | Áo chống rét mùa đông      | Cái | ...      | 849.200           | .....                |
| <b>Tổng</b> |                            |     |          |                   | .....                |

Bên mua sắm trang phục đã nhận đầy đủ hóa đơn, chứng từ, tài liệu theo quy định của pháp luật và đúng nội dung như trong Hợp đồng mua sắm đã ký kết.

## 2. Thanh toán

Bên mua sắm trang phục sẽ thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu theo Hợp đồng đã ký kết:

Số tiền: ..... đồng

(Bằng chữ: .....)

Đơn vị thụ hưởng : Công ty Cổ phần 26

Tài khoản : 0531100001007

Tại : Ngân hàng TMCP Quân đội, Chi nhánh Long Biên – Hà Nội

## 3. Kết luận

Hai bên cam kết không còn tranh chấp, khiếu kiện và thống nhất thanh lý Hợp đồng mua sắm trang phục số: ..... ký ngày .... tháng ... năm 2021.

Thanh lý hợp đồng được lập thành làm thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên trực tiếp ký hợp đồng mua sắm trang phục giữ 02 bản, Bên nhà thầu cung cấp trang phục giữ 02 bản còn 01 bản gửi lại đơn vị mua sắm tập trung./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**  
**CUNG CẤP TRANG PHỤC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP KÝ HỢP**  
**ĐỒNG MUA SẮM TRANG PHỤC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)